CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ SSI
Digitally signed by CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ SSI
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Quận Hoàn Kiếm, CN=CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ SSI, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102333992
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.11.03 16:58:12+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.1.0

***Phụ lục số XXIV: Báo cáo về thay đổi giá trị tài sản ròng***
***Apppendix XXIV: Report on change of Net Asset Value***

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán)*
*(Issued in association with Circular 98/2020/TT-BTC on 16 November 2020 guiding operations and management of securities investment funds)*

# BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
# REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước**
**Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**
**To: State Securities Commission**
**Hochiminh Stock Exchange**

| | | |
|---|---|---|
| 1 | **Tên Công ty quản lý quỹ:**<br>*Fund Management Company:* | **Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI**<br>*SSI Asset Management Company Limited* |
| 2 | **Tên Ngân hàng giám sát:**<br>*Supervising bank:* | **Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam**<br>*Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam* |
| 3 | **Tên Quỹ ETF:**<br>*Fund name:* | **QUỸ ETF SSIAM VN30**<br>*SSIAM VN30 ETF* |
| 4 | **Mã chứng khoán**<br>*Securities Symbol:* | **FUESSV30**<br>*FUESSV30* |
| 5 | **Kỳ báo cáo**<br>*Reporting Period* | 02/11/2026<br>*02 Nov 2026* |
| 6 | **Ngày lập báo cáo**<br>*Reporting date* | 03/11/2026<br>*03 Nov 2026* |

**I. Đối với Quỹ định giá hàng ngày / For Fund with daily valuations** ***Đơn vị tính/Unit: VND***

| STT<br>NO | CHỈ TIÊU<br>Criteria | KỲ NÀY<br>THIS PERIOD<br>02/11/2026 | KỲ TRƯỚC<br>LAST PERIOD<br>01/11/2026 |
|---|---|---|---|
| **1** | **Giá trị tài sản ròng / Net asset value** | | |
| *1.1* | *Của quỹ ETF/Per Fund* | *243.753.525.878* | *249.349.002.883* |
| *1.2* | *Của một lô chứng chỉ quỹ ETF/Per lot of Fund Certificate* | *2.278.070.335* | *2.330.364.512* |
| *1.3* | *Của một chứng chỉ quỹ/Per Fund Certificate* | *22.780,70* | *23.303,64* |

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**
*Authorised Representative of Supervisory Bank*

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
TRƯỞNG TRUNG TÂM
Võ Hồ Thanh

**Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam**

**Đại diện được ủy quyền công bố thông tin của Công ty Quản lý Quỹ**
*Authorised Representative of Fund Management Company*

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ SSI

**Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
**Tô Thùy Linh**